

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 36/2022/DS – ST

Ngày: 22-4-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng

Mua bán tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Trung và ông Nguyễn Công Tình

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2021/TLST-DS ngày 19/5/2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX-DS ngày 09/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2022/QĐHPT ngày 04/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1956 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 51/2 đường N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Vũ Đình D, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 118/12 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà Lê Thị Đ và ông Vũ Đình D có quan hệ quen biết do mua bán vật liệu xây dựng với nhau. Bà Đ bắt đầu bán vật liệu xây dựng cho ông D từ năm 2014; thanh toán theo phương thức gởi đầu. Quá trình mua bán ông D thanh toán cho bà rất đúng hạn. Đến ngày 22/7/2017 hai bên đối chiếu công nợ và đã thống nhất bắt đầu tính gốc từ ngày 21/6/2017 trở đi là 388.014.600 đồng; sau đó đến ngày 16/01/2018 ông D trả bà Đ thêm 7.380.000 đồng. Như vậy ông D còn nợ bà Đ 380.634.600 đồng; đến ngày 30/12/2020 ông D trả bà Đ thêm 3.000.000đ còn lại

377.634.600 đồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông Vũ Đình D trả cho bà Đ số tiền nợ gốc là 377.634.600 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 21/6/2017.

Số tiền trên không liên quan đến chồng con bà nên bà chỉ yêu cầu cá nhân ông D trả cho bà, bà Đ không yêu cầu vợ con ông D.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Đình D thừa nhận có giao dịch mua bán vật liệu xây dựng với bà Đ và còn nợ tiền bà Đ nhưng không xác định được chính xác số tiền nợ là bao nhiêu.

Bị đơn ông Vũ Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn cư trú tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Lê Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Đình D có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền nợ gốc 377.634.600 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 21/6/2017 và cung cấp chứng cứ giấy nhận nợ có chữ ký xác nhận của bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 388.014.600 đồng, quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn xác định sau khi đối chiếu công nợ bị đơn đã trả nguyên đơn được 10.380.000 đồng, bị đơn ông D cũng thừa nhận có giao dịch mua bán và còn nợ tiền của nguyên đơn nhưng không xác định được chính xác số nợ là bao nhiêu, mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được, do đó đã có đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 377.634.600 đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi đối với số tiền nợ gốc từ ngày đối chiếu công nợ là ngày 21/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/4/2022 cụ thể: $377.634.600đ \times 1\%/tháng \times 58 tháng = 222.300.900$ đồng (đã làm tròn) là có căn cứ theo quy định tại Điều 440 và 357 BLDS nên cần chấp nhận.

Từ những căn cứ trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần chấp nhận buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 377.634.600 đồng và 222.300.900 đồng tiền lãi. Tổng cộng: 599.935.500 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn, năm trăm đồng) .

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: $20.000.000đ + (4\% \times (599.935.500đ - 400.000.000đ)) = 27.997.400đ$ (đã làm tròn)

Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc ông Vũ Đình D có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền nợ gốc là 377.634.600 đồng và 222.300.900 đồng tiền lãi. Tổng cộng: 599.935.500 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn, năm trăm đồng) .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Đình D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: ông Vũ Đình D phải chịu: 27.997.400đ (Hai mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm đồng) án phí DSST.

Bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí DSST.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS;
thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt